

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2022

V/v "L hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích L.

Bà Vũ Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022 về việc "L hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Tô Thị L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người được chị L ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L: Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Mạc Văn Q**, sinh năm 1977.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Xlovakia.

Anh Q vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Tô Thị L** trình bày: Chị và anh **Mạc Văn Q** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chí Minh, huyện Chí Linh (nay là phường Chí Minh, thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương vào ngày

24/9/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Q. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau về tính cách và lối sống, vợ chồng mỗi người một ý, không bảo ban được nhau trong cách nuôi dạy con cái cũng như làm ăn phát triển kinh tế, dẫn đến kinh tế độc lập, tình cảm lạnh nhạt, cuộc sống gia đình căng thẳng không có hạnh phúc. Năm 2003 chị đi lao động tại Đài Loan đến năm 2006 thì về nước, nhưng chị không về gia đình nhà chồng mà về thẳng nhà bố mẹ đẻ tại thành phố Hồ Chí Minh, vì thế khi chị quay về gia đình nhà chồng vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do vợ chồng không hòa thuận nên chị chỉ ở nhà khoảng một tháng thì lại tiếp tục đi lao động tại Ma Cao đến năm 2020 mới về nước. Trong thời gian chị đi làm ăn, năm 2006 anh Q cũng đi lao động tại Xlô-va-kia đến nay chưa về nước. Vợ chồng sống L thân từ năm 2006 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được L hôn anh Mạc Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mạc Thị T, sinh ngày 18/01/2003, hiện con đang ở với chị và đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, chị C đã thông báo cho chị biết, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Mạc Văn L (là bố đẻ anh Q) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Q ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Q vẫn L lạc với gia đình qua điện thoại, ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Q biết. Thông qua gia đình anh Q trình bày và xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được, L hôn do chị L quyết định, anh không có ý kiến gì. Anh Q xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng, hiện con đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L, anh Q đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Q được khoảng một đến hai năm thì chị L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Hết hạn hợp đồng chị L về nước lại tiếp tục sang Ma Cao làm ăn, khi chị đi lần thứ hai thì anh Q cũng sang Xlôvakia làm ăn cho đến nay. Hiện tại chị L đã về nước nhưng không sống tại gia đình nhà chồng mà về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Vợ chồng mỗi người sống một nơi thời gian quá dài, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L có đơn xin L hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Tô Thị L L hôn anh Mạc Văn Q. Chị L phải chịu 300.000đ án phí L hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tô Thị L sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Mạc Văn Q có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu dân cư Văn Giai, phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, hiện anh Q đang lao động tại Xlovakia. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q ở Xlovakia. Tòa án đã đề nghị gia đình anh Q cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh Q và gia đình đã thông báo cho anh Q biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án L hôn giữa chị L và anh Q, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh Q có quan điểm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L là chị Vũ Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi Hội đồng xét xử Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị L và anh Mạc Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chí Minh, huyện Chí Linh (nay là phường Chí Minh, thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương vào ngày 24/9/2001 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, lối sống, không thống nhất được cách nuôi dạy con cái cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống căng thẳng, không có hạnh phúc. Năm 2003 chị L đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2006 chị tiếp tục đi lao động tại Ma Cao đến năm 2020 chị về nước nhưng không về gia đình nhà chồng mà vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Anh Q cũng đi lao động tại Xlovakia từ năm 2006 đến nay chưa về nước. Vợ chồng có thời gian dài sống L thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được L hôn anh Q, thông qua gia đình anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí L hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L L hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Q cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Tô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị L L hôn anh Mạc Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Tô Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004686 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Vũ Thị C nộp thay). Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tô Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Mạc Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường